

Bản án số: 25/2026/HSST
Ngày: 29/5/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đô.

Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Duy Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2026/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2026/QĐXXST – HS ngày 18 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Thị Ánh P, sinh năm 1989, tại thành phố Đ.

Căn cước công dân số: 070189010038

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T, thành phố Đ.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, thành phố Đ.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công T và bà Nguyễn Thị V; bị cáo có chồng (không đăng ký kết hôn) và 07 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2026; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2025 cho đến ngày 05/01/2026, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 27/12/2025, Phạm Thị Ánh P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93T5-7452 đi đến gần khu vực “ngã ba V” thuộc thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) để đi tìm việc làm. Tại đây, P gặp một người thanh niên tên là Đ (không rõ nhân thân, lý lịch) là bạn ngoài xã hội, Đ biết được P cũng thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy và chưa có việc làm, không có tiền nên Đ đã đưa cho P 01 gói nylon đen bên trong có ống nhựa loại ống hút nước màu đen bên trong chứa ma túy và một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. Sau đó, P mang số ma túy và bộ D sử dụng ma túy về nhà tại thôn Đ, xã B, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) lấy ra một ít để sử dụng. Số ma túy còn lại bỏ trong ống nhựa loại ống hút nước Phở rồng bỏ vào trong bao thuốc lá hiệu “Jet” để trong túi quần Phở rồng đang mặc, bộ dụng cụ sử dụng ma túy bị vỡ sau khi P sử dụng ma túy

xong đã bỏ và bịch rác trước nhà. Đến 17 giờ 30 phút ngày cùng ngày, P bỏ gói thuốc “Jet” có chứa ma túy trên gác ba ga xe mô tô biển kiểm soát 93T5-7452 điều khiển đi mua đồ ăn. Khi P đi đến đoạn đường N thuộc thôn Đ, xã B, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ), thì bị tổ công tác Công an xã B tiến hành kiểm tra phát hiện trên gác ba ga xe của Phường có 01 gói thuốc lá hiệu “Jet” nên trong có chứa ống nhựa loại ống hút màu đen bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá. Nên Công an xã B đã lập biên bản bắt người, thu giữ, niêm phong tang vật (ký hiệu M) để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tại Kết luận giám định số: 4080/KL - KTHS ngày 01/01/2026 của Phòng K - Công an tỉnh Đ (nay là Công an thành phố Đ) kết luận: Tinh thể màu trắng, ký hiệu M bên trong 01 đoạn ống nhựa được niêm phong gửi đi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,3168 gam.

- Về vật chứng vụ án:

+ Trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 93T5-7452 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Võ Thanh T1.

+ Số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 4080 của Phòng K - Công an tỉnh Đ (nay là Công an thành phố Đ) chuyển đến Phòng Thi hành án hình sự Khu vực 12 – Đồng Nai để phục vụ công tác truy tố, xét xử.

Tại Cáo trạng số 09/CT – VKS ngày 06/5/2026, của kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai truy tố bị cáo Phạm Thị Ánh P về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và 2025.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ánh P phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và 2025.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh P từ 03 năm đến 03 năm, 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Thị Ánh P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 27/12/2025, Phạm Thị Ánh P đang cất giấu 0,3168 gam ma túy, loại Methamphetamine trong gói thuốc hiệu “Jet” trên xe mô tô biển kiểm soát 93T5-7452 mục đích để sử dụng thuốc thôn Đ, xã B, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) thì bị Công an xã B, tỉnh Đồng Nai (nay là Công an thành phố Đ) kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ, niêm phong vật chứng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Phạm Thị Ánh P đã phạm vào phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và 2025.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

c) Heroine, M có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, do lối sống buông thả, dẫn đến nghiện ma túy nên mặc dù nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đang mang thai 26 tuần tuổi, bị cáo đang nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và 2025.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã Trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 93T5-7452 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Võ Thanh T1. Việc trả lại vật chứng là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 4080 của Phòng K - Công an tỉnh Đ (nay là Công an thành phố Đ).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025 thì ngoài hình phạt Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, bị cáo là người nghiện ma túy, đang nuôi con nhỏ không có thu nhập ổn định nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đối với người đàn ông tên “Đỏ” (không rõ nhân thân lai lịch) đã đưa ma túy và bộ sử dụng ma túy cho P. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ không xác định được nhân thân, lai lịch và không làm việc được với đối tượng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bộ D sử dụng ma túy đã bị bể sau khi P sử dụng, P đã vứt bỏ không thu thập được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Võ Thanh T1 là người sống chung như vợ chồng đối với P là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 93T5-7452 không biết P dùng xe để tàng trữ ma túy. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phường, quá trình điều tra xác định Phường chưa có tiền án, tiền sự về hành vi sử dụng ma túy nên ngày 05/01/2026 Công an xã B, thành phố Đ, đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với P với số tiền 1.500.000 đồng.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ánh P phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh P 03 năm tù (ba năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 27/12/2025 đến ngày 05/01/2026.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 4080 của Phòng K - Công an tỉnh Đ (nay là Công an thành phố Đ).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/5/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Nai)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thị Ánh P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND thành phố Đồng Nai.
- Sở tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Công an thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- PTHADS khu vực 12 – Đồng Nai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.
- Tổng số bản án phát hành (12)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh